TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 330/2018/DS-ST
Ngày: 02/8/2018
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Tám

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Công Lý
Bà Lê Thị Thanh Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Viễn Thoa – Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 637/2017/TLST-DS ngày 16 tháng 11 năm 2017 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 214/2018/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 6 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 210/2018/QĐST-DS ngày 04 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại cổ phần V; địa chỉ trụ sở: Đường H, phường L, quận Đ, Thành phố Hà Nội; địa chỉ chi nhánh: Đường T, phường B, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1995; địa chỉ liên lạc: Đường D, Phường H, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh; là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền số 19923/2018/UQ-VPB ngày 05/02/2018 và số 11/2018/UQ-HĐQT ngày 02/3/2018), (Có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Bùi Văn T, sinh năm 1985; địa chỉ: Đường N, Phường M, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 16 tháng 8 năm 2017 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Ngân hàng Thương mại cổ phần V có ông Nguyễn Văn T là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ông Bùi Văn T ký 03 hợp đồng tín dụng với Ngân hàng Thương mại cổ phần V (căn cứ theo Đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng) như sau: Hợp đồng tín dụng số 1788056 ngày 27/8/2014 để vay số tiền 50.000.000 đồng, thời hạn vay 36 tháng, lãi suất thỏa thuận là 27%/năm, mục đích vay để tiêu dùng và được Ngân hàng Thương mại cổ phần V giải ngân ngày 04/9/2014; hợp đồng tín dụng số 2216647 ngày 10/11/2014 để vay số tiền 20.000.000 đồng, thời hạn vay 30 tháng, lãi suất thỏa thuận là 27%/năm, mục đích vay để tiêu dùng và được Ngân hàng Thương mại cổ phần V giải ngân ngày 14/11/2014; hợp đồng tín dụng số 3308709 ngày 06/4/2015 để vay số tiền 30.000.000 đồng, thời hạn vay 36 tháng, lãi suất thỏa thuận là 30%/năm, mục đích vay để tiêu dùng và được Ngân hàng Thương mại cổ phần V giải ngân ngày 04/5/2015.

Thực hiện hợp đồng, ông Bùi Văn T đã nhận đủ số tiền vay trên theo các hợp đồng đã ký và đã thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V số tiền nợ như sau: Hợp đồng tín dụng số 1788056 ngày 27/8/2014 đã thanh toán nợ gốc và lãi là 28.739.611 đồng, trong đó nợ gốc là 14.829.590 đồng, nợ lãi là 13.910.021 đồng; hợp đồng tín dụng số 2216647 ngày 10/11/2014 đã thanh toán nợ gốc và lãi là 11.670.000 đồng, trong đó nợ gốc là 6.266.637 đồng, nợ lãi là 5.403.363 đồng; hợp đồng tín dụng số 3308709 ngày 06/4/2015 đã thanh toán nợ gốc và lãi là 7.443.389 đồng, trong đó nợ gốc là 3.446.054 đồng, nợ lãi là 3.997.335 đồng. Sau đó, ông Bùi Văn T không thanh toán tiền nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V nữa.

Ngân hàng Thương mại cổ phần V đã nhiều lần nhắc nhở ông Bùi Văn T trả nợ còn lại nhưng ông Bùi Văn T vẫn không trả. Ngân hàng Thương mại cổ phần V khởi kiện ông Bùi Văn T và yêu cầu ông Bùi Văn T phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V các khoản nợ còn lại theo 03 hợp đồng tín dụng nêu trên tính đến ngày 04/7/2018 như sau:

+ Tổng nợ gốc và lãi của hợp đồng tín dụng số 1788056 ngày 27/8/2014 là 73.649.144 đồng, trong đó tiền nợ gốc là 35.170.410 đồng, tiền nợ lãi là 38.478.734 đồng.

+ Tổng nợ gốc và lãi của hợp đồng tín dụng số 2216647 ngày 10/11/2014 là 30.084.963 đồng, trong đó tiền nợ gốc là 13.733.363 đồng, tiền nợ lãi là 16.351.600 đồng.

+ Tổng nợ gốc và lãi của hợp đồng tín dụng số 3308709 ngày 06/4/2015 là 55.566.683 đồng, trong đó tiền nợ gốc là 26.553.946 đồng, tiền nợ lãi là 29.012.737 đồng.

Tổng cộng tiền nợ gốc và lãi của 03 hợp đồng tín dụng nêu trên là 159.300.790 đồng, trong đó tiền nợ gốc là 75.457.719 đồng, tiền nợ lãi là 83.843.071 đồng.

Ngoài ra, Ngân hàng Thương mại cổ phần V yêu cầu ông Bùi Văn T phải trả tiền lãi phát sinh trên nợ gốc còn nợ tính từ ngày 05/7/2018 cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng đã ký.

Thời hạn thanh toán: Thanh toán một lần ngay sau khi có bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập đương sự, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa để triệu tập ông Bùi Văn T tới Tòa án để lấy lời khai, tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa xét xử nhưng ông Bùi Văn T không đến, do đó Tòa án không lấy lời khai của ông Bùi Văn T cũng như không tiến hành hòa giải giữa nguyên đơn và bị đơn được.

Tại phiên Tòa hôm nay nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu như trên, bị đơn vắng mặt không có lý do.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là tranh chấp về hợp đồng tín dụng nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Về tố tụng: Tòa án đã xác định đúng người tham gia tố tụng. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật, bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

Về nội dung: Ngân hàng Thương mại cổ phần V đã ký hợp đồng tín dụng với ông Bùi Văn T theo như nội dung vụ án đã trình bày, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần V là có cơ sở chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Quyền khởi kiện, quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Ông Bùi Văn T có vay tiền của Ngân hàng Thương mại cổ phần V có ký hợp đồng tín dụng, do đó có cơ sở xác định giữa ông Bùi Văn T và Ngân hàng Thương mại cổ phần V có giao kết hợp đồng dân sự vay tài sản, đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng. Do ông Bùi Văn T không trả tiền đúng hạn nên Ngân hàng Thương mại cổ phần V khởi kiện. Ông Bùi Văn T cư trú tại quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Về người tham gia tố tụng: Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Giấy triệu tập đương sự triệu tập ông Bùi Văn T tới Tòa án để giải quyết vụ án nhưng ông Bùi Văn T vắng mặt không có lý do.

Tòa án đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa kèm Giấy triệu tập đương sự cho ông Bùi Văn T, nhưng tại phiên tòa hôm nay, ông Bùi Văn T vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ Điều 227, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn ông Bùi Văn T.

[2].Về yêu cầu của các đương sự:

Đối với yêu cầu của Ngân hàng Thương mại cổ phần V, Hội đồng xét xử nhận thấy: Căn cứ vào các hợp đồng tín dụng (hợp đồng gồm Đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng) số 1788056 ngày 27/8/2014, số 2216647 ngày 10/11/2014, số 3308709 ngày 06/4/2015 được ký giữa ông Bùi Văn T với Ngân hàng Thương mại cổ phần V cho thấy việc giao kết hợp đồng tín dụng giữa các bên là có thật, nội dung mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng phù hợp với các quy định của pháp luật tại các điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Theo thỏa thuận trong các hợp đồng tín trên và bảng kê chi tiết nợ tiền gốc và lãi thể hiện ông Bùi Văn T có vay tiền của Ngân hàng Thương mại cổ phần V với nội dung thỏa thuận như trên. Thực hiện hợp đồng, ông Bùi Văn T đã nhận đủ số tiền vay và đã thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V số tiền nợ như sau: Hợp đồng tín dụng số 1788056 ngày 27/8/2014 đã thanh toán nợ gốc và lãi là 28.739.611 đồng, trong đó nợ gốc là 14.829.590 đồng, nợ lãi là 13.910.021 đồng; hợp đồng tín dụng số 2216647 ngày 10/11/2014 đã thanh toán nợ gốc và lãi là 11.670.000 đồng, trong đó nợ gốc là 6.266.637 đồng, nợ lãi là 5.403.363 đồng; hợp đồng tín dụng số 3308709 ngày 06/4/2015 đã thanh toán nợ gốc và lãi là 7.443.389 đồng, trong đó nợ gốc là 3.446.054 đồng, nợ lãi là 3.997.335 đồng. Sau đó, ông Bùi Văn T không thanh toán tiền nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V nữa.

Như vậy, theo nguyên đơn yêu cầu thì bị đơn còn thiếu nguyên đơn các khoản nợ còn lại của 03 hợp đồng tín dụng nêu trên tính đến ngày 04/7/2018 như sau: Tổng nợ gốc và lãi của hợp đồng tín dụng số 1788056 ngày 27/8/2014

là 73.649.144 đồng, trong đó tiền nợ gốc là 35.170.410 đồng, tiền nợ lãi là 38.478.734 đồng; tổng nợ gốc và lãi của hợp đồng tín dụng số 2216647 ngày 10/11/2014 là 30.084.963 đồng, trong đó tiền nợ gốc là 13.733.363 đồng, tiền nợ lãi là 16.351.600 đồng; tổng nợ gốc và lãi của hợp đồng tín dụng số 3308709 ngày 06/4/2015 là 55.566.683 đồng, trong đó tiền nợ gốc là 26.553.946 đồng, tiền nợ lãi là 29.012.737 đồng. Tổng cộng tiền nợ gốc và lãi của 03 hợp đồng tín dụng nêu trên là 159.300.790 đồng, trong đó tiền nợ gốc là 75.457.719 đồng, tiền nợ lãi là 83.843.071 đồng. Ngoài ra, Ngân hàng Thương mại cổ phần V yêu cầu ông Bùi Văn T phải trả tiền lãi phát sinh trên nợ gốc còn nợ tính từ ngày 05/7/2018 cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả khoản tiền trên làm một lần ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, trình bày của đương sự, xét thời điểm giao kết và thực hiện hợp đồng, Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 thì: "*Trường hợp có quy định khác nhau giữa luật này và các luật khác có liên quan về thành lập, tổ chức, hoạt động, kiểm soát đặc biệt, tổ chức lại, giải thể tổ chức tín dụng; việc thành lập, tổ chức, hoạt động của chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng thì áp dụng theo quy định của Luật này*", theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 thì: "*Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật*".

Hội đồng xét xử nhận định đối với hợp đồng vay mà một bên là tổ chức tín dụng thì lãi suất của hợp đồng vay được thực hiện theo thỏa thuận. Hội đồng xét xử xét thấy lãi suất của 03 hợp đồng tín dụng (hợp đồng gồm Đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng) số 1788056 ngày 27/8/2014, số 2216647 ngày 10/11/2014, số 3308709 ngày 06/4/2015 mà các bên đã ký kết phù hợp với quy định của pháp luật. Do ông Bùi Văn T vi phạm nghĩa vụ trả nợ quy định trong hợp đồng gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn nên Ngân hàng Thương mại cổ phần V khởi kiện, yêu cầu thu hồi nợ là có cơ sở pháp luật.

Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần V đối với việc buộc bị đơn ông Bùi Văn T phải trả một lần ngay sau khi có bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho nguyên đơn các khoản nợ còn lại của 03 hợp đồng tín dụng nêu trên tính đến ngày 04/7/2018 như sau: Tổng nợ gốc và lãi của hợp đồng tín dụng số 1788056 ngày 27/8/2014 là 73.649.144 đồng, trong đó tiền nợ gốc là 35.170.410 đồng, tiền nợ lãi là 38.478.734 đồng; tổng nợ gốc và lãi của hợp đồng tín dụng số 2216647 ngày 10/11/2014 là 30.084.963 đồng, trong đó tiền nợ gốc là 13.733.363 đồng, tiền nợ lãi là 16.351.600 đồng; tổng nợ gốc và lãi của hợp đồng tín dụng số 3308709 ngày 06/4/2015 là 55.566.683 đồng, trong đó tiền nợ gốc là 26.553.946 đồng, tiền nợ lãi là 29.012.737 đồng. Tổng cộng tiền nợ gốc và lãi của 03 hợp

đồng tín dụng nêu trên là 159.300.790 đồng, trong đó tiền nợ gốc là 75.457.719 đồng, tiền nợ lãi là 83.843.071 đồng. Ngoài ra, ông Bùi Văn T phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V tiền lãi phát sinh trên nợ gốc còn nợ tính từ ngày 05/7/2018 cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thỏa thuận trong 03 hợp đồng tín dụng đã ký.

Hội đồng xét xử thống nhất với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần V.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Luật phí, lệ phí năm 2015, yêu cầu của Ngân hàng Thương mại cổ phần V được chấp nhận nên ông Bùi Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 7.965.040 đồng đối với khoản nợ mà ông Bùi Văn T phải trả là 159.300.790 đồng. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V số tiền 3.287.414 đồng mà nguyên đơn đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2017/0027929 ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 150 Điều 177, Điều 203, Điều 217, Điều 218, Điều 219, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 361, 305, 471, Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự năm 2008;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015 và Điều 48 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần V.

- Buộc ông Bùi Văn T chịu trách nhiệm trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V các khoản nợ của 03 hợp đồng tín dụng (hợp đồng gồm Đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng) tính đến ngày 04/7/2018 như sau:

+ Tổng nợ gốc và lãi của hợp đồng tín dụng số 1788056 ngày 27/8/2014 là 73.649.144 (Bảy mươi ba triệu sáu trăm bốn mươi chín nghìn một trăm bốn mươi bốn) đồng, trong đó tiền nợ gốc là 35.170.410 (Ba mươi lăm triệu một

trăm bảy mươi nghìn bốn trăm mười) đồng, tiền nợ lãi là 38.478.734 (Ba mươi tám triệu bốn trăm bảy mươi tám nghìn bảy trăm ba mươi bốn) đồng.

+ Tổng nợ gốc và lãi của hợp đồng tín dụng số 2216647 ngày 10/11/2014 là 30.084.963 (Ba mươi triệu không trăm tám mươi bốn nghìn chín trăm sáu mươi ba) đồng, trong đó tiền nợ gốc là 13.733.363 (Mười ba triệu bảy trăm ba mươi ba nghìn ba trăm sáu mươi ba) đồng, tiền nợ lãi là 16.351.600 (Mười sáu triệu ba trăm năm mươi mốt nghìn sáu trăm) đồng.

+ Tổng nợ gốc và lãi của hợp đồng tín dụng số 3308709 ngày 06/4/2015 là 55.566.683 (Năm mươi lăm triệu năm trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm tám mươi ba) đồng, trong đó tiền nợ gốc là 26.553.946 (Hai mươi sáu triệu năm trăm năm mươi ba nghìn chín trăm bốn mươi sáu) đồng, tiền nợ lãi là 29.012.737 (Hai mươi chín triệu không trăm mười hai nghìn bảy trăm ba mươi bảy) đồng.

Tổng cộng tiền nợ gốc và lãi của 03 hợp đồng tín dụng nêu trên là 159.300.790 (Một trăm năm mươi chín triệu ba trăm nghìn bảy trăm chín mươi) đồng, trong đó tiền nợ gốc là 75.457.719 (Bảy mươi lăm triệu bốn trăm năm mươi bảy nghìn bảy trăm mười chín) đồng, tiền nợ lãi là 83.843.071 (Tám mươi ba triệu tám trăm bốn mươi ba nghìn không trăm bảy mươi mốt) đồng.

Ngoài ra, ông Bùi Văn T phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V tiền lãi phát sinh trên nợ gốc còn nợ tính từ ngày 05/7/2018 cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thỏa thuận trong 03 hợp đồng tín dụng số 1788056 ngày 27/8/2014, số 2216647 ngày 10/11/2014, số 3308709 ngày 06/4/2015 mà các bên đã ký.

Thời hạn thanh toán: Trả một lần ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật, thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2- Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Bùi Văn T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 7.965.040 (Bảy triệu chín trăm sáu mươi lăm nghìn không trăm bốn mươi) đồng đối với khoản nợ mà ông Bùi Văn T phải trả là 159.300.790 (Một trăm năm mươi chín triệu ba trăm nghìn bảy trăm chín mươi) đồng.

Ngân hàng Thương mại cổ phần V được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.287.414 (Ba triệu hai trăm tám mươi bảy nghìn bốn trăm mười bốn) đồng mà nguyên đơn đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2017/0027929 ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

3- Về nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo các quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần V có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn ông Bùi Văn T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát ND quận Gò Vấp;
- Thi hành án DS quận Gò Vấp;
- Các đương sự
- Lưu: VP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Ký tên và đóng dấu)

Đặng Thị Tám